

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 02 - 2019

*“V/v ly hôn giữa
ông T và bà T”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

2. Ông Đặng Văn Tác.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2019/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Tấn T, sinh năm 1968(có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1978(vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp Bình Tr 1, xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 10/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Tấn T trình bày:

Ông và bà T sau thời gian tìm hiểu, thì chung sống với nhau như vợ chồng năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như lúc ban đầu, đời sống tình cảm ngày càng trầm trọng, năm 2008 bà T bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm không còn ông T xin ly hôn với bà T.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thị H, sinh ngày 16/02/1998 con chung hiện đã thành niên và lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không.

Bảng tự khai ngày 30/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T thống nhất lời trình bày của ông Phan Tấn T về quá trình chung sống, ly thân, con chung, T sản chung và nợ chung.

Nay ông T yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

Do bận đi làm công nhân ở huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nên xin vắng mặt cho đến khi Tòa án xét xử xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bà T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Bình Trung 1, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông T và bà T chung sống như vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà T.

[2.1] Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung tên Phan Thị H, sinh ngày 16/02/1998 hiện đã thành niên và lao động được nên hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T, bà T trình bày T sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14; Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Tấn T và bà Lê Thị T.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về T sản chung, nợ chung không.

Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005405 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông T không còn nộp thêm án phí.

Bà T vắng mặt tại phiên tòa, thời kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày bà nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo